

**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý 1 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 34

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên cho Quý 1 của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu, ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty có các đơn vị sản xuất và kinh doanh hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành (tên cũ Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Công Nghiệp và Dịch Vụ Ô Tô
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Dịch vụ Ô Tô Isuzu An Lạc
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc (tên cũ Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành (tên cũ Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Xí nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô Chuyên dùng An Lạc
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại Hà Nội (Samco Hà Nội)
- Nhà máy ô tô thương mại Samco.

Trong quý, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát trong quý này và cho đến ngày lập báo cáo hợp nhất này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Phạm Quốc Huy	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Thành viên
Ông Kiều Nam Thành	Việt Nam	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tám	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Võ Ngọc Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong quý 1 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho Quý 1 của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong quý 1 của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

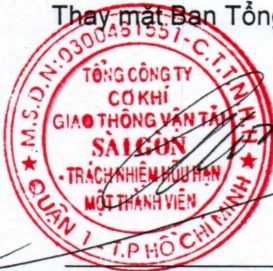
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho quý 1 được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông TRẦN QUỐC TOÀN

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.995.448.143.210	1.909.936.465.417
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	541.533.382.722	397.706.385.858
Tiền	111		299.529.324.352	138.291.034.085
Các khoản tương đương tiền	112		242.004.058.370	259.415.351.773
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		139.386.757.140	147.081.847.356
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	139.386.757.140	147.081.847.356
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		607.872.636.430	566.090.978.305
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	523.496.098.914	547.041.281.133
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	69.145.400.467	21.508.744.584
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	366.286.634	366.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	162.733.510.044	145.069.133.954
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(150.872.170.019)	(150.906.827.859)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.003.510.390	3.012.359.859
Hàng tồn kho	140	5.8	616.168.172.722	714.695.207.649
Hàng tồn kho	141		689.507.079.467	788.034.114.394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(73.338.906.745)	(73.338.906.745)
Tài sản ngắn hạn khác	150		90.487.194.196	84.362.046.249
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	6.593.883.686	6.322.977.650
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.16.1	3.842.713.883	3.610.940.122
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16.2	80.050.596.627	74.428.128.477
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

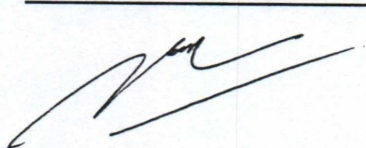
	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.224.970.964.519	4.261.357.660.021
Các khoản phải thu dài hạn	210		48.870.590.140	48.870.590.140
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	50.845.130.223	50.845.130.223
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.974.540.083)	(1.974.540.083)
Tài sản cố định	220		1.470.987.524.955	1.513.034.276.254
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.422.619.051.605	1.463.743.210.736
Nguyên giá	222		3.229.891.388.146	3.224.722.184.845
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.807.272.336.541)	(1.760.978.974.109)
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	48.368.473.350	49.291.065.518
Nguyên giá	228		80.867.176.773	80.786.776.773
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.498.703.423)	(31.495.711.255)
Bất động sản đầu tư	230	5.12	4.744.388.419	4.823.741.413
Nguyên giá	231		37.488.593.253	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(32.744.204.834)	(32.664.851.840)
Tài sản dở dang dài hạn	240		495.072.683.510	486.636.024.373
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	495.072.683.510	486.636.024.373
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	2.006.915.890.110	2.000.720.805.182
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.845.015.890.110	1.838.820.805.182
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		161.700.000.000	161.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		198.379.887.385	207.272.222.659
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	181.151.887.476	189.625.075.432
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.755.414.803	2.761.059.689
Lợi thế thương mại	269		14.472.585.106	14.886.087.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.220.419.107.729	6.171.294.125.438

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.723.678.395.305	2.687.020.416.489
Nợ ngắn hạn	310		1.706.473.202.704	1.669.338.566.964
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	154.682.347.650	205.161.841.141
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	103.387.256.100	52.745.687.743
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16.2	62.797.499.101	47.717.652.105
Phải trả người lao động	314		79.363.889.684	116.495.865.102
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17.1	11.430.075.346	9.255.606.099
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18.1	10.598.135.278	881.880.897
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	268.467.491.308	269.153.443.367
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	845.416.059.185	759.084.625.504
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		170.330.449.052	208.841.965.006
Nợ dài hạn	330		1.017.205.192.601	1.017.681.849.525
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17.2	12.695.614.923	10.695.614.923
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18.2	125.011.357.699	126.877.329.490
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	391.334.900.172	392.499.097.782
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	434.093.483.123	434.093.483.123
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		54.069.836.684	53.516.324.207
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.496.740.712.424	3.484.273.708.949
Vốn chủ sở hữu	410		3.496.740.712.424	3.484.273.708.949
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.21	1.796.569.000.000	1.796.569.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		613.481.550	613.481.550
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		106.483.500.000	106.483.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.21	779.898.521.076	779.898.521.076
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	5.21	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.21	583.317.133.445	578.169.194.458
LNST chưa phân phối năm trước	421a		567.321.627.606	547.820.072.571
LNST chưa phân phối năm nay	421b		15.995.505.839	30.349.121.887
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		229.859.076.353	222.540.011.865
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.220.419.107.729	6.171.294.125.438



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Người lập



HUỖNH THỊ HẠNH
Kế toán trưởng




TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

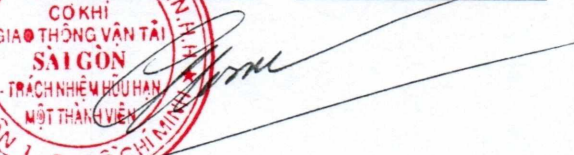
Quý 1 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.290.866.488.276	3.880.693.114.213
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	391.090.909
Doanh thu thuần	10	6.1	1.290.866.488.276	3.880.302.023.304
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.171.016.705.593	3.686.795.724.582
Lợi nhuận gộp	20		119.849.782.683	193.506.298.722
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.013.426.763	21.097.874.106
Chi phí tài chính	22	6.4	8.213.554.331	37.803.332.179
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.175.226.608	37.421.992.330
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.195.084.928	277.045.013.284
Chi phí bán hàng	25	6.5	64.261.951.787	207.311.722.602
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	50.684.118.369	257.335.686.901
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		6.898.669.887	(10.801.555.570)
Thu nhập khác	31	6.7	21.350.506.431	107.441.663.333
Chi phí khác	32	6.8	943.111.646	6.484.721.872
Lợi nhuận khác	40		20.407.394.785	100.956.941.461
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.306.064.672	90.155.385.891
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		12.820.644.311	34.974.698.652
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		5.644.886	(169.771.475)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.479.775.475	55.350.458.714
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		15.995.505.839	30.349.121.887
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.515.730.364)	25.001.336.827


NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Người lập


HUỲNH THỊ HẠNH
Kế toán trưởng




TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2022

	Mã số	Quý 1 năm 2022 VND	Năm 2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	27.306.064.672	90.155.385.891
Khấu hao tài sản cố định	02	47.232.835.056	177.454.344.602
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(34.657.840)	89.438.381.905
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	04	-	90.879.943
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.422.313.206)	(21.082.135.097)
Chi phí lãi vay	06	8.175.226.608	37.421.992.330
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	6.350.000.000
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	79.257.155.290	379.828.849.574
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(39.297.325.577)	(115.823.014.212)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	98.446.692.932	36.063.909.713
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(61.834.025.561)	(283.490.509.151)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	8.562.713.682	(20.420.060.004)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.523.109.462)	(30.663.670.789)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.793.672.707)	(45.915.828.632)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	209.124.754	1.776.834.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.707.272.145)	(104.384.983.241)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.320.281.206	(183.028.472.742)
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.344.693.581)	(82.913.641.366)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	637.753.880	881.750.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.304.909.784)	(173.685.981.786)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	26.000.000.000	277.230.228.560
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.236.075.842	414.098.295.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.224.226.357	435.610.650.896
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	816.810.219.100	5.131.162.832.671
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(730.478.785.419)	(5.480.863.285.092)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.048.944.380)	(202.022.194.479)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	71.282.489.301	(551.722.646.900)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	143.826.996.864	(299.140.468.746)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	397.706.385.858	696.889.831.139
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(42.976.535)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	541.533.382.722	397.706.385.858

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Người lập

HUYỀN THỊ HẠNH
Kê toán trưởng

TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong quý, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cẩu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng (công ty con gián tiếp)	Khu B1-6 KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	Vận tải hàng hóa đường bộ	56,44%	56,44%	31,72%
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh (công ty con gián tiếp)	Số 27B, Đường Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ kho bãi	100%	100%	51%

Các công ty liên doanh:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng	51,00%	50,00%	51,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch	50,00%	50,00%	50,00%
---------------------------------------	---	---	--------	--------	--------

Các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch nội địa và quốc tế	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	14/4A Thân Nhân Trung, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô	40,00%	40,00%	56,36%
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hoá đường bộ, đường biển	45,15%	45,15%	45,15%

Công ty liên kết không được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải đường thủy	51,00%	50,00%	26,01%

Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon là công ty liên kết của Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn (công ty con). Lý do không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu là Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon đang trong quá trình thanh lý, giải thể.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 2.131 người.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho quý 1 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc

đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Phần vốn góp của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Trường hợp Tập đoàn giao dịch với các đơn vị liên doanh của Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện, tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào đơn vị liên doanh được loại bỏ khỏi báo tài chính hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư,

có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tập đoàn áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức, Lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

Thu nhập khác

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu; Các khoản thu nhập khác.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	TP. HCM	Công ty Liên kết

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Công Trình Giao thông Quận 8	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	TP. HCM	Công ty Liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt tồn quỹ	7.874.771.734	6.973.307.734
Tiền gửi ngân hàng	291.654.552.618	131.317.726.351
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	242.004.058.370	259.415.351.773
	541.533.382.722	397.706.385.858

5.2 Các khoản đầu tư

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm.

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (1)	1.845.015.890.110	1.838.820.805.182
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (2)	161.700.000.000	161.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (3)	200.000.000	200.000.000
	2.006.915.890.110	2.000.720.805.182

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	19.267.121.913	19.267.121.913
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	103.346.216.733	109.218.391.264
Công ty TNHH Isuzu Việt Nam	382.247.989.960	382.247.989.960
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	792.924.474.704	792.924.474.704
Công ty TNHH DV Ô Tô Sài Gòn Toyota Tshusho	37.516.614.069	37.516.614.069
Công ty CP Hòa Phú	45.314.108.274	44.997.377.090
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	1.367.827.850
Công ty CP Vận Tải Ô Tô Số 2	20.638.783.325	20.638.783.325

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty LD Vận tải Thủy Sea Sài Gòn	18.983.934.769	18.983.934.769
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	133.383.696.655	117.463.861.505
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	18.480.359.053	18.690.720.117
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	146.508.386	146.508.386
Công ty CP Tân Cảng - Phú Hữu	95.692.217.028	95.692.217.028
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	133.215.775.566	137.746.955.157
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	19.813.306.378	19.813.306.378
Công ty CP Ô tô An Thái	22.676.955.447	22.104.721.667
	1.845.015.890.110	1.838.820.805.182

(2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty CP Cảng Phú Định với tỷ lệ góp vốn là 16,17%.

(3) Là giá trị của 20 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	8.621.744.764	9.216.086.998
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	2.034.310.180	859.810.713
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	66.965.536.695	68.359.196.364
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	139.906.350	137.100.854
Công ty TNHH DV Ô Tô Sài Gòn Toyota Tshusho	5.360.280	1.955.250
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	8.764.290	8.764.290
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	26.754.000.000	28.665.000.000
Các tổ chức khác		
Công ty CP TM Ô tô Gia Định	60.100.750.000	60.100.750.000
Công ty CP XD TM Phú Mỹ Lợi	52.872.495.596	52.872.495.596
Các khách hàng khác	305.993.230.759	326.820.121.068
	523.496.098.914	547.041.281.133

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	470.300.000	482.200.000
Các tổ chức khác		
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	18.739.136.597	6.848.767.708
Các nhà cung cấp khác	49.935.963.870	14.177.776.876
	69.145.400.467	21.508.744.584

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	366.286.634	366.286.634

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	2.004.516.989	-	2.026.245.171	-
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	123.605.791	(123.605.791)	123.605.791	(123.605.791)
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	34.511.926.504	-	20.761.926.503	-
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	(5.849.054.747)	5.849.054.747	(5.849.054.747)
Công ty CP Vận tải Ô tô số 2	342	-	342	-
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	2.600.000.000	-	2.630.000.000	-
Các khoản phải thu khác				
Lãi dự thu, lãi cho vay phải thu	783.317.528	-	1.403.806.487	-
Tạm ứng	14.894.802.228	(20.055.002)	9.317.740.341	(20.055.002)
Ký quỹ	4.392.300.000	(39.300.000)	4.474.800.000	(39.300.000)
Phải thu khác	97.573.985.915	(67.247.937.644)	98.481.954.572	(67.247.937.644)
	162.733.510.044	(73.279.953.184)	145.069.133.954	(73.279.953.184)

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bà Nguyễn Thị Khương – ký quỹ	38.552.292.000	-	38.552.292.000	-
Công ty TNHH SX – TM Hồng Tiến Phát – ký quỹ	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – ký quỹ	1.075.048.140	-	1.075.048.140	-
Ký quỹ khác	2.137.640.083	(1.974.540.083)	2.137.640.083	(1.974.540.083)
Phải thu khác	1.080.150.000	-	1.080.150.000	-
	50.845.130.223	(1.974.540.083)	50.845.130.223	(1.974.540.083)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.7 Nợ xấu

	31/03/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	-	(5.849.054.747)	5.849.054.747	-	(5.849.054.747)
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	489.892.425	-	(489.892.425)	489.892.425	-	(489.892.425)
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	619.490.295	-	(619.490.295)	619.490.295	-	(619.490.295)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	8.764.290	-	(8.764.290)	8.764.290	-	(8.764.290)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	3.003.510.390	-	(3.003.510.390)	3.003.510.390	-	(3.003.510.390)
Các khách hàng khác						
Công ty TNHH Quốc Đạt	5.128.185.922	-	(5.128.185.922)	5.128.185.922	-	(5.128.185.922)
Công ty TNHH TM DV Phượng Hoàng	3.122.999.995	-	(3.122.999.995)	3.122.999.995	-	(3.122.999.995)
Các khách hàng khác	154.256.973.749	-	(132.650.271.955)	154.256.973.749	-	(132.684.929.795)
	172.478.871.813	-	(150.872.170.019)	172.478.871.813	-	(150.906.827.859)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.8 Hàng tồn kho

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.903.363.633	-
Nguyên liệu, vật liệu	257.664.060.084	-	254.320.138.494	-
Công cụ dụng cụ	1.109.463.052	(578.364.862)	1.200.408.551	(578.364.862)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	101.686.835.353	(21.041.878.979)	107.163.455.882	(21.041.878.979)
Thành phẩm	254.354.317.348	(51.718.662.904)	276.521.570.972	(51.718.662.904)
Hàng hóa	74.676.217.492	-	146.908.990.724	-
Hàng gửi đi bán	16.186.138	-	16.186.138	-
	689.507.079.467	(73.338.906.745)	788.034.114.394	(73.338.906.745)

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sửa chữa	2.689.159.923	3.586.445.329
Chi phí khác	3.904.723.763	2.736.532.321
	6.593.883.686	6.322.977.650

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Cảng Phú Hữu	41.572.257.276	41.572.257.276
Chi phí san lấp mặt bằng Cảng Phú Hữu	23.905.259.376	24.629.661.175
Chi phí khác	115.674.370.824	123.423.156.981
	181.151.887.476	189.625.075.432

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	2.047.069.188.765	413.833.927.140	653.836.019.910	29.779.210.729	80.203.838.301	3.224.722.184.845
Mua sắm trong kỳ	384.008.000	177.000.000	3.813.312.608	36.272.727	97.214.953	4.507.808.288
Đầu tư XDCB hoàn thành	705.033.265	30.500.000	-	-	-	735.533.265
Tặng khác	116.595.379	-	-	-	-	116.595.379
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	(190.725.631)	(190.725.631)
Tại ngày 31/03/2022	2.048.274.825.409	414.041.427.140	657.649.332.518	29.815.483.456	80.110.327.623	3.229.891.388.146
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	932.725.701.157	273.786.496.972	456.281.836.806	25.347.863.437	72.837.075.737	1.760.978.974.109
Khấu hao trong kỳ	20.050.067.077	10.951.000.429	14.300.138.826	276.473.297	854.516.306	46.432.195.935
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	(138.833.503)	(138.833.503)
Tại ngày 31/03/2022	952.775.768.234	284.737.497.401	470.581.975.632	25.624.336.734	73.552.758.540	1.807.272.336.541
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	1.114.343.487.608	140.047.430.168	197.554.183.104	4.431.347.292	7.366.762.564	1.463.743.210.736
Tại ngày 31/03/2022	1.095.499.057.175	129.303.929.739	187.067.356.886	4.191.146.722	6.557.569.083	1.422.619.051.605

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Chi phí giải phóng mặt bằng	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2022	22.779.725.706	46.737.058.534	1.425.873.503	9.440.419.030	84.400.000	319.300.000	80.786.776.773
Tăng trong kỳ	80.400.000	-	-	-	-	-	80.400.000
Tại ngày 31/03/2022	22.860.125.706	46.737.058.534	1.425.873.503	9.440.419.030	84.400.000	319.300.000	80.867.176.773
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2022	16.780.804.955	9.670.104.197	1.425.873.503	3.231.461.945	70.333.320	317.133.335	31.495.711.255
Khấu hao trong kỳ	754.266.630	187.078.770	-	52.446.771	7.033.332	2.166.665	1.002.992.168
Tại ngày 31/03/2022	17.535.071.585	9.857.182.967	1.425.873.503	3.283.908.716	77.366.652	319.300.00	32.498.703.423
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2022	5.998.920.751	37.066.954.337	-	6.208.957.085	14.066.680	2.166.665	49.291.065.518
Tại ngày 31/03/2022	5.325.054.121	36.879.875.567	-	6.156.510.314	7.033.348	-	48.368.473.350

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.12 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà kho, bến bãi VND	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Tại ngày 31/12/2022	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	9.370.905.468	5.323.795.030	17.970.151.342	32.664.851.840
Khấu hao trong kỳ	30.682.500	48.670.494	-	79.352.994
Tại ngày 31/03/2022	9.401.587.968	5.372.465.524	17.970.151.342	32.744.204.834
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	1.154.832.443	3.668.908.970	-	4.823.741.413
Tại ngày 31/03/2022	1.124.149.943	3.620.238.476	-	4.744.388.419

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng-tái định cư tại Phường Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh và Phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	370.493.588.393	370.493.588.393
Các công trình khác	124.579.095.117	116.142.435.980
	495.072.683.510	486.636.024.373

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	19.259.205.649	19.532.838.971
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	3.141.851.852	1.660.909.091
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	965.991.296	1.657.550.791
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	-	144.721.000
Công ty CP Hòa Phú	1.141.506.982	6.538.261.475
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	-	38.520.000
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tshusho	1.945.770	2.867.700
Công ty CP Ô tô An Thái	2.512.482	-
Các tổ chức khác		
Công ty TNHH XD - TM Khải Thành	28.497.194.332	27.885.347.309
Các nhà cung cấp khác	101.672.139.287	147.700.824.804
	154.682.347.650	205.161.841.141

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Các tổ chức khác		
Ban quản lý Dự án đầu tư XD hạ tầng và Phát triển Đô thị Đà Nẵng	58.372.573.609	14.227.940.000
Các khách hàng khác	45.014.682.491	38.517.747.743
	103.387.256.100	52.745.687.743

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

5.16.1 Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) đầu vào được khấu trừ

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.842.713.883	3.610.940.122

5.16.2 Thuế và các khoản phải nộp / (phải thu) Nhà nước

	01/01/2022		Số phát sinh trong năm		31/03/2022	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	8.813.640.515	-	34.831.081.955	(26.103.699.558)	17.541.022.912	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	8.555.296	(8.555.296)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	7.574.440	(7.574.440)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.201.198.809 (11.876.593.843)		12.820.644.311	(7.218.478.016)	9.531.409.970	(8.604.638.709)
Thuế thu nhập cá nhân	2.146.501.175 (5.535.837.208)		7.469.299.602	(6.721.300.838)	2.259.740.886	(4.901.078.155)
Thuế nhà thầu	406.842.709	-	31.680.486	(12.000.000)	426.523.195	-
Thuế tài nguyên	-	-	668.080	(668.080)	-	-
Tiền thuê đất	29.149.468.897 (7.128.392.648)		9.991.566.426	(15.577.735.535)	33.004.063.258	(16.569.156.118)
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	544.844.221	(510.105.341)	34.738.880	-
Các khoản phải nộp khác	-(49.887.304.778)		53.440.089	(141.858.956)	-	(49.975.723.645)
	47.717.652.105 (74.428.128.477)		65.759.354.906	(56.301.976.060)	62.797.499.101	(80.050.596.627)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Phí hải quan, phí nâng hạ container	2.738.937.037	-
Chi phí khác	8.691.138.309	9.255.606.099
	11.430.075.346	9.255.606.099

5.17.2 Chi phí phải trả dài hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền thuê đất	10.695.614.923	10.695.614.923
Sửa chữa tài sản cố định	2.000.000.000	-
	12.695.614.923	10.695.614.923

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn

5.18.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco – cho thuê xưởng	9.915.222.528	-
Các đối tượng khác		
Dịch vụ sửa chữa	514.738.853	401.138.088
Giữ xe	-	380.814.258
Doanh thu chưa thực hiện khác	168.173.897	99.928.551
	10.598.135.278	881.880.897

5.18.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan		
Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
- Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	86.155.135.665	87.473.836.721
- Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	38.856.222.034	39.403.492.769
	125.011.357.699	126.877.329.490

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả bên liên quan		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	78.096.000	97.754.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline	64.720.000	447.680.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	-	61.208.516
Phải trả các đối tượng khác		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.984.653.222	6.483.597.602
Nhận ký quỹ ngắn hạn	9.023.926.484	8.500.777.538
Công ty TNHH Minh Thành Hưng	226.458.337.289	226.458.337.289
Phải trả khác	23.857.758.313	27.104.088.422
	268.467.491.308	269.153.443.367

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả bên liên quan		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	42.513.000	42.513.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline	30.285.000	47.985.000
Phải trả các đối tượng khác		
Nhận ký quỹ dài hạn	9.211.990.000	9.431.790.000
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	370.775.986.999	370.775.986.999
Phải trả khác	11.274.125.173	12.200.822.783
	391.334.900.172	392.499.097.782

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng	695.011.149.100	585.886.615.419
- Các đơn vị khác	112.925.610.085	112.925.610.085
- Kỳ phiếu nội bộ	5.100.000.000	5.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	32.379.300.000	55.172.400.000
	845.416.059.185	759.084.625.504

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Vay dài hạn		
- Ngân hàng	435.970.440.463	458.763.540.463
- Các đơn vị khác	30.502.342.660	30.502.342.660
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(32.379.300.000)	(55.172.400.000)
	434.093.483.123	434.093.483.123

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.21 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư 01/01/2021	1.796.569.000.000	759.701.248.301	5.314.197.650	727.561.028.168	3.289.145.474.119
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	30.349.121.887	30.349.121.887
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	39.678.322.599	-	(39.678.322.599)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(77.377.585.505)	(77.377.585.505)
Kết chuyển nộp ngân sách, chia lợi nhuận, tăng giảm khác	-	(19.481.049.824)	(5.314.197.650)	(62.685.047.493)	(87.480.294.967)
Số dư 31/12/2021	1.796.569.000.000	779.898.521.076	-	578.169.194.458	3.154.636.715.534
Số dư 01/01/2022	1.796.569.000.000	779.898.521.076	-	578.169.194.458	3.154.636.715.534
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	15.995.505.839	15.995.505.839
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.024.972.500)	(1.024.972.500)
Giảm khác	-	-	-	(9.822.594.352)	(9.822.594.352)
Số dư 31/03/2022	1.796.569.000.000	779.898.521.076	-	583.317.133.445	3.159.784.654.521

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu thuần

	Quý 1/2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	895.304.724.162	2.371.758.635.337
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	84.486.765.904	374.835.184.176
Doanh thu khác	311.074.998.210	1.134.099.294.700
	1.290.866.488.276	3.880.693.114.213
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(391.090.909)
Doanh thu thuần	1.290.866.488.276	3.880.302.023.304

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa	838.209.305.432	2.249.046.149.425
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	80.724.114.870	415.453.703.673
Giá vốn khác	252.083.285.291	1.022.295.871.484
	1.171.016.705.593	3.686.795.724.582

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2022 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	3.099.163.235	16.993.972.902
Lãi bán các khoản đầu tư	-	13.700.000
Lãi tỷ giá hối đoái	34.163.528	138.576.631
Thu nhập tài chính khác	880.100.000	3.951.624.573
	4.013.426.763	21.097.874.106

6.4 Chi phí tài chính

	Quý 1/2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	8.175.226.608	37.421.992.330
Lỗ tỷ giá hối đoái	28.142.491	381.339.849
Chi phí tài chính khác	10.185.232	-
	8.213.554.331	37.803.332.179

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5 Chi phí bán hàng

	Quý 1/2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	6.252.612.225	29.637.167.372
Chi phí khuyến mãi, quà tặng	28.636.607.472	-
Chi phí bán hàng khác	29.372.732.090	177.674.555.230
	64.261.951.787	207.311.722.602

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1/2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.672.822.794	124.339.320.756
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	31.011.295.575	132.996.366.145
	50.684.118.369	257.335.686.901

6.7 Thu nhập khác

	Quý 1/2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	99.961.516	4.074.462.195
Thu từ cho thuê mặt bằng	12.500.000.000	55.334.804.228
Thu nhập khác	8.750.544.915	48.032.396.910
	21.350.506.431	107.441.663.333

6.8 Chi phí khác

	Quý 1/2022 VND	Năm 2021 VND
Phạt vi phạm hành chính	-	443.248.043
Chi phí khác	943.111.646	6.041.473.829
	943.111.646	6.484.721.872

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin bộ phận

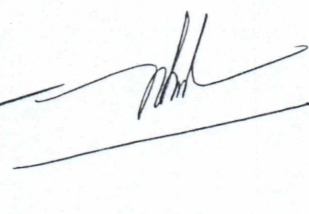
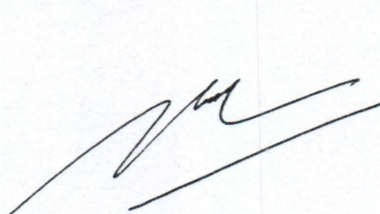
Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo,... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Người lập

HUỲNH THỊ HẠNH
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2022